

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu ý kiến Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội,
Hội đồng nhân dân Thành phố về Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định
một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo
bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 95/BC-VHXXH ngày 03/12/2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo giải trình, tiếp thu như sau:

1. Về nội dung Tờ trình

a) Về đối tượng

- Chính sách hỗ trợ học phí: Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp thu ý kiến thẩm tra để chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo hướng đảm bảo đối tượng được kế thừa những chính sách hiện hành.

- Xem xét, quy định rõ danh mục bệnh hiểm nghèo để thuận tiện trong quá trình tổ chức thực hiện: Hiện nay chưa có văn bản quy định thống nhất thế nào là bệnh hiểm nghèo và danh mục các bệnh quy định là bệnh hiểm nghèo. Việc xác định thế nào là bệnh hiểm nghèo và danh mục các bệnh hiểm nghèo mới chỉ được quy định tại một số văn bản như:

+ Nghị định số 76/2003/NĐ-CP ngày 27/6/2003 của Chính phủ quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thì người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng, như: Ung thư, bại liệt, xơ gan cổ trướng, phong hủi, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không định nghĩa thế nào là bệnh hiểm nghèo nhưng đã liệt kê 42 loại bệnh hiểm nghèo¹.

+ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo quy định mắc bệnh hiểm nghèo là trường hợp mà bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện quân đội cấp quân khu trở lên có kết luận là đang bị bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị, như: Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ trướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3, suy thận độ 4 trở lên; HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội không có khả năng tự chăm sóc bản thân và có nguy cơ tử vong cao.

+ Thông tư số 26/2014/TT-BQP ngày 20/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục bệnh hiểm nghèo, danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày để thực hiện chế độ, chính sách trong quân đội có quy định 09 loại bệnh nguy hiểm, gồm: Các bệnh ung thư, các bệnh hệ thần kinh; các bệnh về gan; các bệnh hệ tiết niệu; các bệnh chuyển hóa; các bệnh hệ hô hấp; các bệnh hệ tuần hoàn; các bệnh hệ cơ, xương, khớp; hội chứng suy giảm miễn dịch.

Do đó, trong thời gian chờ Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo, đề xuất thực hiện 04 loại bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến tính mạng và chi phí chữa bệnh tốn kém nhất và quy định cụ thể là “người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế”. Chính sách đưa ra có tính chất đón đầu, khi Bộ Y tế có quy định thì chính sách có thể thực hiện được ngay.

¹ Danh mục này để xác định “Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân Việt Nam là thuốc, thiết bị y tế cho người bị bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại danh mục này có trị giá hải quan không vượt quá 10.000.000 đồng được miễn thuế không quá 4 lần/năm” gồm: (1) Ung thư; (2) Nhồi máu cơ tim lần đầu; (3) Phẫu thuật động mạch vành; (4) Phẫu thuật thay van tim; (5) Phẫu thuật động mạch chủ; (6) Đột quỵ; (7) Hôn mê; (8) Bệnh xơ cứng rải rác; (9) Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ; (10) Bệnh Parkinson; (11) Viêm màng não do vi khuẩn; (12) Viêm não nặng; (13) U não lành tính; (14) Loạn dưỡng cơ; (15) Bại hành tủy tiến triển; (16) Teo cơ tiến triển; (17) Viêm đa khớp dạng thấp nặng; (18) Hoại thư do nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết; (19) Thiếu máu bất sản; (20) Liệt hai chi; (21) Mù hai mắt; (22) Mất hai chi; (23) Mất thính lực; (24) Mất khả năng phát âm; (25) Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; (26) Suy thận; (27) Bệnh nang tủy thận; (28) Viêm tụy mãn tính tái phát; (29) Suy gan; (30) Bệnh Lupus ban đỏ; (31) Ghép cơ quan (*ghép tim, ghép gan, ghép thận*); (32) Bệnh lao phổi tiến triển; (33) Bỏng nặng; (34) Bệnh cơ tim; (35) Bệnh Alzheimer hay sa sút trí tuệ; (36) Tăng áp lực động mạch phổi; (37) Bệnh rối loạn dẫn truyền thần kinh vận động; (38) Chấn thương sọ não nặng; (39) Bệnh chân voi; (40) Nhiễm HIV do nghề nghiệp; (41) Ghép tủy; (42) Bại liệt.

b) Về số liệu “người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ”:

- Tại Báo cáo giải trình số 251/BC-UBND ngày 19/9/2021 của UBND Thành phố giải trình, tiếp thu ý kiến Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố về Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội có nêu số liệu người thuộc diện già yếu không có khả năng tự phục vụ là 277 người; trong khi tại Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 02/12/2021 của UBND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của Thành phố Hà Nội nêu số lượng là 1.219 người.

- Ủy ban nhân dân Thành phố giải trình, tiếp thu như sau:

+ Số liệu nêu tại Báo cáo giải trình số 251/BC-UBND ngày 19/9/2021 của UBND Thành phố được lấy tại thời điểm tháng 12/2020, hộ hưởng chính sách là hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020.

+ Số liệu tại Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 02/12/2021 được ước tính cho đối tượng theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 (đã ghi chú trong Tờ trình).

Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa số liệu tính toán dự toán (gửi kèm theo Báo cáo này).

2. Về dự thảo Nghị quyết

- Về tên Nghị quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp thu ý kiến thẩm tra, bổ sung “giai đoạn 2022-2025” vào tên Nghị quyết.

- Về nội dung khoản 3, Điều 6 của dự thảo Nghị quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố xin tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định/

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS, PC HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T.Huyện;
- phòng KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, KGVX Dg.

67912- 45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH ✓
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng

PHỤ LỤC

Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo

TT	Tên chính sách	Đang thực hiện		Đề xuất		Chênh lệch so với hiện hành		Ghi chú
		Số người	Kinh phí thực hiện (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí dự kiến (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí (tr.đ/năm)	
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2	7
1	Trợ cấp hàng tháng theo NQ 03/2017	277	1.163	470	2482	193	1.318	Tăng mức hỗ trợ từ 350.000 lên 440.000 đ và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo.
2	Chính sách theo NQ 04/2019							
a	Hỗ trợ hàng tháng theo NQ 04/2019	8.890	121.808	12.887	316.805	3.997	194.997	Tăng đối tượng Trẻ em dưới 15 tuổi (510 người, 12 tỷ đồng); tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo (3.487 người) và tăng mức hỗ trợ bằng chuẩn nghèo
b	Hỗ trợ bảo hiểm y tế	10.504	8.452	23.124	18.606	12.620	10.154	Tăng đối tượng bảo hiểm y tế hộ cận nghèo thoát cận nghèo (6.000 người, 5 tỷ đồng) và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo (6.620 người)
c	Hỗ trợ giáo dục	11.766	21.976	17.063	39.160	5.297	17.184	Tăng mức hỗ trợ chi phí học tập và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo
d	Đưa vào cơ sở BTXH	100	1.260		-	(100)	(1.260)	Đã được quy định là đối tượng bảo trợ xã hội tại NQ 09/2021-NQ-HĐND
	Cộng	31.537	154.659	53.544	377.052		222.393	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo (06-12)

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XVI – KỲ HỌP THỨ 3

(Từ ngày ... đến ngày ...)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 28 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo ổn định cuộc sống.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo. Các đối tượng này phải đảm bảo các điều kiện: (1) là thành viên thuộc: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, hoặc người dưới 18 tuổi đang học văn hóa, học nghề (kể cả học sinh đang học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).

Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế.

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân.

c) Thành viên hộ nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo; thành viên hộ cận nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo.

d) Thời điểm thoát nghèo, thoát cận nghèo để hưởng chính sách được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

đ) Đối tượng hưởng chính sách là người đăng ký thường trú tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

1. Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này:

a) 2.000.000 đồng/tháng/người đối với người sống tại khu vực nông thôn (các xã);

b) 2.500.000 đồng/tháng/người đối với người sống tại khu vực thành thị (các phường, các thị trấn).

2. Hỗ trợ hàng tháng mức 440.000 đồng/người/tháng cho đối tượng tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

3. Trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng các mức hỗ trợ, trợ cấp, trợ giúp hàng tháng khác thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về y tế

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo diện hộ gia đình cho: thành viên hộ nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; thành viên hộ cận nghèo được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ tháng được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

1. Hỗ trợ 100% số tiền đóng học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ nghèo được công nhận thoát nghèo.

2. Mức hỗ trợ học phí theo mức đóng thực tế nhưng tối đa không quá mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

3. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 150.000 đồng/tháng.

4. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học và không quá 03 năm học kể từ khi thoát nghèo.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố: hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch; tổ chức thực hiện các chính sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, kịp thời và không để phát sinh hộ nghèo.

2. Giao Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền rộng rãi; thông báo công khai các nội dung chính sách để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

5. Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày

03/7/2017 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Người đang hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố được tiếp tục hưởng đến hết thời gian hỗ trợ theo quy định, mức hỗ trợ bằng mức quy định tại Nghị quyết này, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Lưu: VT, BVHXXH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn